

Bản án số: 26/2019/DS-ST

Ngày 18-6-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Tphần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Hùng

2. Ông Lê Bình Triệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 202/2018/TLST – DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nhữ Văn K, sinh năm 1951 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K: Ông Kim Chan Đa Ra – Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Phạm Chí T (tên gọi khác: HQ) (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nhữ Văn K trình bày:

Vào năm 2005 ông K có trực tiếp vay tiền của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh TB, phòng giao dịch TP số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, mục đích là vay dùm ông T để làm lộ giao thông nông thôn.

Từ gian vay cho đến năm năm 2012 ông T thanh toán lãi đủ. Từ năm 2012 đến năm 2014 ông T không thanh toán vốn và lãi cho ngân hàng như đã thỏa thuận với ông K. Ngày 30/9/2014 ông T viết tờ cam kết trả vốn và lãi cho ông K để ông K thanh toán cho ngân hàng là 73.000.000 đồng.

Ngày 25/8/2016 ông T tiếp tục làm tờ cam kết thanh toán nợ với số tiền tạm tính đến thời điểm làm cam kết là 88.000.000 đồng, đợi đến tháng 09 năm 2016 khi ông T làm việc với Ban dự án xây dựng lộ xã TL sẽ thanh toán nợ tại ngân hàng dứt điểm cho ông K nhưng ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông K.

Ngày 10/7/2018 ông T tiếp tục làm giấy cam kết với ông K đến ngày 30/7/2018 sẽ thanh toán nợ tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh TB– Phòng giao dịch TP 40.000.000 đồng, số tiền còn lại ông T hẹn sẽ thanh toán xong vào ngày 30/8/2018, tuy nhiên ông T vẫn không thanh toán nợ cho ông K.

Ngày 07/9/2018 do số tiền vay đã quá hạn nên ông K làm thủ tục vay mới, số tiền vốn nhập lãi hiện nay ông nợ lại ngân hàng là 106.000.000 đồng.

Ông K khởi kiện ông T yêu cầu thanh toán số tiền vay còn nợ là 106.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay mới là 106.000.000 đồng, thời gian từ ngày 07/9/2018 cho đến ngày xét xử và yêu cầu ông T thanh toán tiền chi phí đi lại cho ông là 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Ông Đa Ra thống nhất với yêu cầu của ông K đặt ra. Đối với khoản tiền ông K yêu cầu ông T thanh toán chi phí đi lại 10.000.000 đồng ông Đa Ra đề nghị ông K rút lại yêu cầu vì không có căn cứ.

- Ông K bảo lưu quan điểm yêu cầu ông T thanh toán số tiền vay còn nợ là 106.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay mới là 106.000.000 đồng, thời gian từ ngày 07/9/2018 cho đến ngày xét xử. Đối với số tiền yêu K yêu cầu ông T thanh toán chi phí phát sinh trong thời gian ông tham gia vụ kiện với số tiền là 10.000.000 đồng ông xin rút lại yêu cầu.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông K đối với số tiền theo giấy cam kết của ông T là 88.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 25/8/2016 cho đến ngày 25/8/2018 theo giấy cam kết của ông T. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Theo quy định tại khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc tranh chấp giữa các đương sự nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tổng đạt hợp lệ cho ông T nhưng ông T không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của ông K và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho ông T nhưng ông T vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

[1] Ông Nhữ Văn K khởi kiện ông Phạm Chí T yêu cầu thanh toán tiền vay. Vì vậy, quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo đơn khởi kiện ban đầu, ông K yêu cầu ông T thanh toán các khoản vay là 106.000.000 đồng đồng và yêu cầu thanh toán chi phí đi lại trong quá trình giải quyết vụ án là 10.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông K chỉ yêu cầu ông T thanh toán cho ông khoản tiền theo hợp đồng vay ngày 07/9/2018 giữa ông K với ngân hàng số tiền 106.000.000 đồng và yêu cầu ông T thanh toán lãi cho ông thời gian tính từ ngày 07/9/2018 cho đến ngày xét xử.

[2] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Tờ cam kết ngày 30/9/2014 ông T thừa nhận còn nợ lại ông K số tiền vốn và lãi là 73.000.000 đồng; Tờ cam kết ngày 25/6/2018 ông T còn nợ ông K khoản vay dùm vốn và lãi là 88.000.000 đồng; Giấy cam kết ngày 10/7/2018 ông T hẹn sẽ thanh toán cho ông K số tiền 40.000.000 đồng, còn lại đến ngày 30/8/2018 sẽ thanh toán dứt điểm. Qua các chứng cứ thể hiện việc ông T có nhờ ông K trực tiếp làm hợp đồng vay tiền tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh TB – Phòng giao dịch TP là thực tế có xảy ra. Do ông K là người trực tiếp giao dịch vay tiền, ông T là người nhận tiền vay từ ông K nên xét quan hệ tranh chấp hợp đồng vay giữa ông K và ông T. Đối với các bản cam kết ngày 25/8/2016 thể hiện việc ông T có nợ ông K số tiền vay vốn và lãi là 88.000.000 đồng là thực tế có xảy ra nên cần chấp nhận phần yêu cầu ông T thanh toán cho ông K số tiền 88.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 25/8/2018 đến ngày 25/8/2018 với mức lãi suất 10%/năm.

[3] Theo ông K trình bày: Ngày 07/9/2018 ông K ký kết hợp đồng vay mới với ngân hàng số tiền 106.000.000 đồng là do ông T không thanh toán lãi nên ông K phải ký kết hợp đồng lãi nhập vốn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ông K ông cung cấp chứng cứ chứng minh sự có liên quan giữa hợp đồng vay 50.000.000 đồng trước đó và hợp đồng vay 106.000.000 đồng vào ngày 07/9/2018, khi ông K ký hợp đồng

vay lại với ngân hàng không có mặt ông T, ông T không có cam kết với ông K sẽ thanh toán khoản tiền này nên ông K yêu cầu ông T thanh toán 106.000.000 đồng theo hợp đồng vay mới giữa ông với ngân hàng và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 07/9/2018 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 10%/năm là không có căn cứ chấp nhận. Đối với số tiền ông K yêu cầu ông T thanh toán 10.000.000 đồng là chi phí đi lại trong quá trình khởi kiện, Tại phiên tòa, ông K xin rút lại yêu cầu đối với khoản tiền này nên đình chỉ yêu cầu là phù hợp.

[4] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông K trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử tính số tiền hiện ông T còn nợ lại ông K, cụ thể như sau:

- Nợ theo tờ cam kết ngày 25/8/2016 của ông T là 88.000.000 đồng.
 - Tiền lãi từ ngày 25/8/2016 đến ngày 18/6/2019 (ngày xét xử):
 - + 88.000.000 đồng x 10%/năm x 33 tháng = 23.232.000 đồng
 - + 88.000.000 đồng x 10 %/năm x 23 ngày = 566.720 đồng (lấy tròn số)
- Tổng lãi ông T phải thanh toán cho ông K là 23.798.720 đồng.

Ông T phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông K số tiền vốn 88.000.000 đồng, tiền lãi 23.798.720 đồng.

Các vấn đề khác: Trường hợp chậm trả thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 217, khoản 2 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt ông Phạm Chí T (tên gọi khác: HQ)
2. Đình chỉ yêu cầu của ông K đối với ông Phạm Chí T (tên gọi khác: HQ) về việc thanh toán số tiền chi phí đi lại 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*).
3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Như Văn K đối với ông Phạm Chí T (tên gọi khác: HQ) về việc yêu cầu thanh toán tiền vay.

Buộc ông Phạm Chí T (tên gọi khác: HQ) thanh toán nợ vay số tiền vốn 88.000.000 đồng, lãi 23.798.720 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 111.798.720 đồng (*một trăm mười một triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi đồng, lấy tròn số*).

Kể từ ngày ông K có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp ông T (HQ) chậm thanh toán khoản tiền nói trên cho ông K, thì phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải nộp 5.589.936 đồng (*năm triệu năm trăm tám mươi chín nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng*).

Do ông K có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên ông không phải nộp tiền án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKS huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Lan Anh